

Số: /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung;
thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Phòng bệnh, Dân số,
Được phẩm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2001/QĐ-BYT ngày 02 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Phòng bệnh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế quy định tại Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phòng bệnh;

Căn cứ Quyết định số 2014/QĐ-BYT ngày 03 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Được phẩm theo quy định tại Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ về cắt giảm đơn giản hóa thủ tục hành chính, quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh;

Căn cứ Quyết định số 2029/QĐ-BYT ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực dân số thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 17/2025/QĐ-UBND ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định ban hành Quy chế hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 225/TTr-SYT ngày 03 tháng 7 năm 2026, Tờ trình số 230/TTr-SYT ngày 07 tháng 7 năm 2026 và Tờ trình số 231/TTr-SYT ngày 07 tháng 7 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 05 thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và 02 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Phòng bệnh, Dược phẩm, Dân số thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế theo Quyết định số 2001/QĐ-BYT ngày 02 tháng 7 năm 2026, Quyết định số 2014/QĐ-BYT ngày 03 tháng 7 năm 2026 và Quyết định số 2029/QĐ-BYT ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Điều 2. Quyết định này sửa đổi, bổ sung Quyết định số 686/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2025 và Quyết định số 1465/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực Phòng bệnh, Dược phẩm, Dân số thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Y tế.

Điều 3. Sở Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trình phê duyệt quy trình nội bộ, thiết lập quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và cập nhật, tích hợp việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đối với các thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này theo đúng quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, xã, phường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Y tế;
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT Gia Lai;
- Lưu: VT, KGVX, PVHCC^(KSTT).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

**DANH MỤC 07 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG; 02 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
BỊ BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC PHÒNG BỆNH, DÂN SỐ, DƯỠC PHẨM
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ Y TẾ**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG (07 TTHC)

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã số TTHC									
Thủ tục hành chính được công bố theo Quyết định số 2001/QĐ-BYT ngày 02 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế										
Lĩnh vực Phòng bệnh										
1	Kiểm dịch y tế đối với thi thể, hài cốt, tro cốt 2.000972	- Thời gian hoàn thành quan sát y tế đối với một thi thể hoặc một hài cốt hoặc một tro cốt không quá 15 phút. - Thời gian hoàn thành việc kiểm tra giấy tờ đối với một thi thể hoặc một hài cốt hoặc một tro cốt không quá 15 phút kể từ khi nộp đủ các loại giấy tờ. - Thời gian hoàn thành việc kiểm tra	Kiểm tra/xử lý y tế trực tiếp tại cửa khẩu	-	-	- Trình tự thực hiện. - Thành phần hồ sơ. - Thời gian giải quyết. - Mẫu đơn, tờ khai.	Giá cụ thể dịch vụ kiểm dịch y tế tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh	- Luật Phòng bệnh số 114/2025/QH15 ngày 10/12/2025 - Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Văn phòng Chính phủ.	-	-

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã số TTHC									
		thực tế đối với một thi thể, hài cốt, tro cốt không quá 01 giờ kể từ khi nộp đủ giấy tờ và kiểm dịch viên y tế tiếp cận được với thi thể, hài cốt, tro cốt cần được kiểm tra. - Thời gian hoàn thành việc xử lý y tế đối với một dụng cụ chứa thi thể hoặc hài cốt hoặc tro cốt không quá 03 giờ kể từ khi tổ chức kiểm dịch y tế yêu cầu xử lý y tế. Trước khi hết thời gian quy định 15 phút mà chưa hoàn thành việc xử lý y tế, tổ chức kiểm dịch y tế phải thông báo gia hạn thời gian xử lý y tế								

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã số TTHC									
		bằng văn bản, nêu rõ lý do cho người khai báo y tế. Thời gian gia hạn không quá 01 giờ kể từ thời điểm có thông báo gia hạn.								
2	Kiểm dịch y tế đối với hàng hóa 2.000981	- Thời gian hoàn thành việc quan sát y tế đối với hàng hóa không quá 01 giờ đối với lô hàng hóa dưới 10 tấn, không quá 03 giờ đối với lô hàng hóa từ 10 tấn trở lên. - Thời gian hoàn thành việc kiểm tra giấy tờ một lô hàng hóa không quá 20 phút kể từ khi nhận đủ giấy tờ hoặc thông tin. - Thời gian hoàn thành việc kiểm tra thực tế phải không quá 01 giờ đối với	Kiểm tra/xử lý y tế trực tiếp tại cửa khẩu	-	-	- Trình tự thực hiện. - Mẫu đơn, tờ khai. - Phí/lệ phí.	Giá cụ thể dịch vụ kiểm dịch y tế tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh	- Luật Phòng bệnh số 114/2025/QH15 ngày 10/12/2025 - Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Văn phòng Chính phủ. - Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày	-	-

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã số TTHC									
		lô hàng hóa dưới 10 tấn, không quá 03 giờ đối với lô hàng hóa từ 10 tấn trở lên. - Thời gian hoàn thành các biện pháp xử lý y tế không quá 02 giờ đối với lô hàng hóa dưới 10 tấn, không quá 06 giờ đối với lô hàng hóa từ 10 tấn trở lên. Trước khi hết thời gian quy định 15 phút mà vẫn chưa hoàn thành việc xử lý y tế, tổ chức kiểm dịch y tế phải thông báo việc gia hạn thời gian xử lý y tế và nêu rõ lý do cho người khai báo y tế. Thời gian gia hạn không quá 02 giờ kể từ thời điểm						25/02/2025 của Chính phủ.		

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã số TTHC									
		có thông báo gia hạn.								
3	Kiểm dịch y tế đối với phương tiện vận tải 2.000993	1. Đối với phương tiện vận chuyển đường bộ và đường hàng không - Thời gian quan sát không quá 15 phút với phương tiện vận chuyển đường bộ và đường hàng không; - Thời gian hoàn thành việc kiểm tra giấy tờ một phương tiện vận chuyển không quá 10 phút kể từ khi nhận đủ giấy tờ hoặc thông tin; - Thời gian hoàn thành việc kiểm tra thực tế không quá 45 phút đối với phương tiện vận chuyển đường bộ,	Kiểm tra/xử lý y tế trực tiếp tại cửa khẩu	-	-	- Trình tự thực hiện. - Thời gian giải quyết. - Mẫu đơn, tờ khai. - Phí/lệ phí.	Giá cụ thể dịch vụ kiểm dịch y tế tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh	- Luật Phòng bệnh số 114/2025/QH15 ngày 10/12/2025 - Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Văn phòng Chính phủ. - Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ.	-	-

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã số TTHC									
		đường hàng không. Trước khi hết thời gian quy định 15 phút, tổ chức kiểm dịch y tế phải thông báo việc gia hạn thời gian kiểm tra thực tế và nêu rõ lý do cho người khai báo y tế trong kiểm dịch y tế biết, thời gian gia hạn không quá 01 giờ; - Thời gian hoàn thành việc xử lý y tế không quá 01 giờ đối với một phương tiện vận chuyển đường bộ hoặc một tàu bay. Không quá 24 giờ đối với tàu thuyền trong trường hợp phải xử lý y tế bằng hình thức bẫy chuột, đặt mồi,								

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã số TTHC									
		xông hơi diệt chuột. Trước khi hết thời gian quy định 15 phút mà vẫn chưa hoàn thành việc xử lý y tế, tổ chức kiểm dịch y tế phải thông báo việc gia hạn thời gian xử lý y tế bằng văn bản và nêu rõ lý do cho người khai báo y tế. Thời gian gia hạn không quá 01 giờ đối với một phương tiện vận chuyển đường bộ hoặc một tàu bay. 2. Đối với phương tiện vận tải đường sắt và đường thủy - Thời gian quan sát không quá 30 phút với phương tiện vận chuyển đường sắt, đường thủy								

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã số TTHC									
		(bao gồm cả phương tiện đường biển); - Thời gian hoàn thành việc kiểm tra giấy tờ một phương tiện vận chuyển không quá 10 phút kể từ khi nhận đủ giấy tờ hoặc thông tin; - Thời gian hoàn thành việc kiểm tra thực tế không quá 1,5 giờ đối với phương tiện vận chuyển đường sắt, đường thủy. Trước khi hết thời gian quy định 15 phút, tổ chức kiểm dịch y tế phải thông báo việc gia hạn thời gian kiểm tra thực tế và nêu rõ lý do cho người khai báo y tế trong kiểm								

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã số TTHC									
		dịch y tế biết, thời gian gia hạn không quá 01 giờ; - Thời gian hoàn thành việc xử lý y tế không quá 01 giờ đối với một toa tàu hỏa, không quá 06 giờ đối với cả đoàn tàu hỏa hoặc một tàu thuyền kể từ thời điểm phát hiện ra phương tiện vận chuyển thuộc diện phải xử lý y tế. Không quá 24 giờ đối với tàu thuyền trong trường hợp phải xử lý y tế bằng hình thức bắt chuột, đặt môi, xông hơi diệt chuột. Trước khi hết thời gian quy định 15 phút mà vẫn chưa hoàn thành việc xử lý y								

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã số TTHC									
		tế, tổ chức kiểm dịch y tế phải thông báo việc gia hạn thời gian xử lý y tế bằng văn bản và nêu rõ lý do cho người khai báo y tế. Thời gian gia hạn không quá 01 giờ đối với một toa tàu hỏa, 04 giờ đối với cả đoàn tàu hỏa hoặc một tàu thuyền kể từ thời điểm có thông báo gia hạn. - Thời gian cấp Giấy chứng nhận kiểm tra/xử lý y tế hoặc Giấy chứng nhận miễn xử lý vệ sinh tàu thuyền/chứng nhận xử lý vệ sinh tàu thuyền không quá 30 phút sau								

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã số TTHC									
		khi hoàn thành việc xử lý y tế.								
4	Kiểm dịch y tế đối với mẫu vi sinh y học, sản phẩm sinh học, mô, bộ phận cơ thể người 1.002204	- Thời gian hoàn thành quan sát y tế đối với một lô mẫu bệnh phẩm, mô, bộ phận cơ thể người không quá 15 phút. - Thời gian hoàn thành việc kiểm tra giấy tờ đối với một lô mẫu bệnh phẩm, mô, bộ phận cơ thể người không quá 15 phút kể từ khi nộp đủ các loại giấy tờ hoặc thông tin. - Thời gian hoàn thành việc kiểm tra thực tế đối với một lô mẫu bệnh phẩm hoặc một mô, một bộ phận cơ thể người không quá 01 giờ khi nộp đủ giấy tờ và kiểm	Kiểm tra/ xử lý y tế trực tiếp tại cửa khẩu	-	-	- Trình tự thực hiện. - Thời gian giải quyết. - Mẫu đơn, tờ khai. - Phí/lệ phí.	Giá cụ thể dịch vụ kiểm dịch y tế tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh	- Luật Phòng bệnh số 114/2025/QH15 ngày 10/12/2025 - Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Văn phòng Chính phủ. - Nghị định số 34/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ.	-	-

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã số TTHC									
		dịch viên y tế tiếp cận được với mẫu bệnh phẩm, mô, bộ phận cần được kiểm tra. - Thời gian bắt đầu tiến hành xử lý y tế đối với một lô mẫu bệnh phẩm hoặc một mô, một bộ phận cơ thể người trong vòng 01 giờ kể từ khi tổ chức kiểm dịch y tế yêu cầu xử lý y tế.								
5	Xác định trường hợp được bồi thường khi sử dụng vắc xin, sinh phẩm trong Chương trình tiêm chủng mở rộng, tiêm chủng chống dịch	15 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ	x	Toàn trình	- Thời gian giải quyết.	Không	- Luật Phòng bệnh số 114/2025/QH15 ngày 10/12/2025 - Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ.	-	x

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã số TTHC									
	khi có đề nghị của người được tiêm chủng hoặc thân nhân của người được tiêm chủng 1.001386		hành chính công xã, phường. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn hoặc Ứng dụng định danh quốc gia.							
Thủ tục hành chính được công bố theo Quyết định số 2014/QĐ-BYT ngày 03 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế										
Lĩnh vực Dược phẩm										
6	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán	30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính	x	Toàn trình	- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục	- Thẩm định điều kiện và đánh giá đáp ứng thực hành tốt phân phối thuốc đối với cơ sở bán buôn (GDP):	- Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016. - Luật Dược số 44/2024/QH15 ngày 21/11/2024.	-	x

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã số TTHC									
	buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc được liệu, thuốc cổ truyền) 1.014076		công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: http://dichvucong.gov.vn hoặc Ứng dụng định danh quốc gia.			hành chính - Căn cứ pháp lý.	4.000.000 đồng - Thẩm định điều kiện và đánh giá đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc (GPP): + Đối với cơ sở tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ: 500.000 đồng + Đối với các cơ sở tại các địa bàn còn	- Nghị định số 163/2025/NĐ-CP ngày 29/6/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 41/2023/TT-BCT ngày 12/6/2023 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày 07/4/2026 của Chính phủ.		

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã số TTHC									
							lại: 1.000.000 đồng + Thẩm định điều kiện của cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền (gồm cả vị thuốc cổ truyền): + Đối với cơ sở tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định số 31/2021/NĐ-CP: 300.000 đồng + Đối với cơ sở tại các địa			

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã số TTHC									
							bàn còn lại: 750.000 đồng (Thu tại thời điểm nhận hồ sơ)			
7	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động 1.014102	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công xã, phường. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa	x	Toàn trình	- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính - Căn cứ pháp lý.	-	- Luật Dược số 105/2016/QH13 ngày 06/4/2016. - Luật Dược số 44/2024/QH15 ngày 21/11/2024. - Nghị định số 163/2025/NĐ-CP ngày 29/6/2025 của Chính phủ. - Thông tư số 41/2023/TT-BCT ngày 12/6/2023 của Bộ Tài chính. - Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP ngày	-	x

STT	Tên TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Tiếp nhận và trả kết quả qua BCCI	Mức độ DVC trực tuyến	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính
	Mã số TTHC									
			chỉ: http://dichvucong.gov.vn hoặc Ứng dụng định danh quốc gia.					07/4/2026 của Chính phủ.		
Tổng cộng: 07 TTHC										

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức độ DVC trực tuyến	Cấp thực hiện	Căn cứ pháp lý	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
Thủ tục hành chính được bãi bỏ theo Quyết định số 2001/QĐ-BYT ngày 02 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế						
Lĩnh vực Phòng bệnh						
1	2.000997	Cấp giấy chứng nhận tiêm chủng quốc tế hoặc áp dụng biện pháp dự phòng	-	Cấp tỉnh	Nghị định số 165/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ	Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 13/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh
Thủ tục hành chính được bãi bỏ theo Quyết định số 2029/QĐ-BYT ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Y tế						
Lĩnh vực Dân số						

STT	Mã số TTHC	Tên thủ tục hành chính	Mức độ DVC trực tuyến	Cấp thực hiện	Căn cứ pháp lý	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
2	2.001088	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	Toàn trình	Cấp xã	Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ	Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 13/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh
Tổng cộng: 02 TTHC						